



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26 /CV-QTC

(V/v: Giải trình chênh lệch LNST năm 2018 so
với cùng kỳ năm ngoài)

Quảng Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Theo số liệu báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển hạ tầng Viễn thông được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam-Chi nhánh Miền Trung ngày 25 tháng 3 năm 2019. Công ty chúng tôi xin giải trình về nguyên nhân chênh lệch LNST so với cùng kỳ năm ngoài cụ thể như sau :

Lợi nhuận sau thuế năm 2018 : 1.653.896.130 đồng

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 : 2.410.451.669 đồng

Chênh lệch LNST so với cùng kỳ năm ngoài giảm: 756.555.539 đồng

Nguyên nhân: Hiện nay một số công trình đã hoàn thành xong nhưng chưa được chủ đầu tư nghiệm thu quyết toán. Do đó doanh thu phát sinh năm 2018 giảm so với cùng kỳ năm ngoài. Vì vậy kết quả kinh doanh trong kỳ không đạt hiệu quả cao.

Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển hạ tầng Viễn thông xin báo cáo để Sở Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các nhà đầu tư được biết.

Trân Trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN HOÀI THANH



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24 /CV-QTC

(V/v: Giải trình đối với ý kiến ngoại trừ của
Kiểm toán BCTC năm 2018)

Quảng Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện thông tư 155/2015/TT-BTC, ngày 6/10/2015 của BTC về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Theo yêu cầu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội liên quan đến việc yêu cầu công bố thông tin về giải trình đối với ý kiến ngoại trừ của đơn vị Kiểm toán BCTC năm 2018, Công ty chúng tôi xin giải trình như sau:

- Ý kiến ngoại trừ của đơn vị Kiểm toán BCTC năm 2018 “ Một số khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán chưa được trích lập dự phòng theo quy định tại TT số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, số dự phòng trích lập thiếu trong năm 2018 là 1.989.075.769 đồng . Trong đó: số dự phòng trích lập thiếu trong năm 2018 là 193.662.069 đồng và số dự phòng trích lập thiếu từ năm 2017 trở về trước là 1.795.413.700 đồng.

Như vậy, nếu hạch toán đầy đủ các chi phí nêu trên theo đúng quy định thì khoản mục “*Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi*” trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018 sẽ tăng lên 1.989.075.769 đồng; khoản mục “*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước*” sẽ giảm đi 1.795.413.700 đồng. Đồng thời, trên báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” sẽ tăng 193.662.069 đồng, và chỉ tiêu “*Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*” sẽ giảm đi 193.662.069 đồng.

- Công ty xin giải trình như sau: Đây là các khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán cần được trích lập theo quy định. Tuy nhiên, hiện nay công ty chúng tôi đang tích cực thu hồi các khoản này. Bước đầu chúng tôi đã thu hồi một phần và cũng đang tiến hành xử lý dần các công nợ không có khả năng thu hồi, do đó tạm thời chúng tôi chưa trích lập dự phòng các khoản này.

Trên đây là giải trình của Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông về ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán trong báo cáo tài chính năm 2018.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN HOÀI THANH



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VIỄN THÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28 /CV-QTC

V/v: Công bố thông tin Báo cáo tài chính
năm 2018

Quảng Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển hạ tầng Viễn thông
2. Mã chứng khoán: QCC
3. Địa chỉ trụ sở chính: Đường Phan Bội Châu, P.Tân Thạnh, Tp.Tam Kỳ, Quảng Nam
4. Điện thoại: 0235.3811811 Fax: 0235.3811999
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Hoài Thanh - Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng giám đốc Công ty.
6. Nội dung thông tin công bố:
 - 6.1. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển hạ tầng Viễn thông được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam-Chỉ nhánh Miền Trung ngày 25 tháng 3 năm 2019 bao gồm:
 - Bảng cân đối kế toán
 - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
 - Thuyết minh báo cáo tài chính
 - 6.2. Giải trình chênh lệch 10% LNST so với cùng kỳ năm ngoái
 - 6.3. Giải trình đối với ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán BCTC năm 2018
 7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính năm 2018:
http://www.qtc.vn/Quan_hệ_cổ_dòng/Báo_cáo_tài_chính.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận;

- Như K.gửi;
- Lưu HSKK

Người thực hiện CBTT
Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀI THANH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG

Trụ sở: Phan Bội Châu, TP Tam Kỳ, Quảng Nam, ĐT/fax: (0235) 3811999

Email: ceo@qtc.com.vn

Website: www.qtc.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Việt thông (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Viết Hà	Chủ tịch
Ông Trần Hoài Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Lưu Văn Minh Thành	Thành viên
Ông Trần Như Hoàng	Thành viên
Ông Lê Tấn Long	Thành viên

Bổ nhiệm ngày 19/04/2018

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Phương Thảo	Thành viên
Bà Đoàn Thị Tố Trinh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Hoài Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Lưu Văn Minh Thành	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIÊN THÔNG

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trần Hoài Thành
Tổng Giám đốc

Quảng Nam, ngày 25 tháng 03 năm 2019

W.C.N. * 4 * 2019

Số: 36/BCKT/2019-RSMMT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23/03/2019 từ trang 5 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Một số khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán chưa được trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, số dự phòng trích lập thiếu so với quy định là 1.989.075.769 đồng. Trong đó, số dự phòng trích lập thiếu trong năm 2018 là 193.662.069 đồng và số dự phòng lập thiếu từ năm 2017 trở về trước là 1.795.413.700 đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Nếu hạch toán đầy đủ chi phí nêu trên theo đúng quy định thì trên Bảng cân đối kế toán: khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" sẽ tăng lên 1.989.075.769 đồng, khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến kỳ trước" sẽ giảm đi 1.795.413.700 đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ tăng thêm 193.662.069 đồng và chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ giảm đi 193.662.069 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Kim Văn Việt
Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1486-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Chi nhánh Miền Trung
Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2019

A blue ink handwritten signature, likely belonging to Trần Thị Như Phương.

Trần Thị Như Phương
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2293-2018-026-1

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.323.009.999	33.480.212.966
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	2.058.073.192	7.884.033.912
1. Tiền	111		2.058.073.192	5.884.033.912
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.400.319.412	18.696.209.916
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	24.777.998.802	16.285.237.352
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	140.561.716	320.422.785
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	2.215.023.241	1.823.814.126
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	4.5	266.735.653	266.735.653
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	5.730.290.353	6.756.205.980
1. Hàng tồn kho	141		5.837.939.985	6.863.855.612
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(107.649.632)	(107.649.632)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		134.327.042	143.763.158
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	79.934.300	89.370.416
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.15	54.392.742	54.392.742
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.521.882.142	3.054.480.253
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.398.346.210	2.890.127.348
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	2.398.346.210	2.890.127.348
Nguyên giá	222		9.989.531.864	10.142.740.955
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.591.185.654)	(7.252.613.607)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	4.9	82.987.855	119.871.343
1. Nguyên giá	231		373.448.245	373.448.245
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(290.460.390)	(253.576.902)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.10	19.440	19.440
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		159.000	159.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(139.560)	(139.560)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		40.528.637	44.462.122
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	40.528.637	44.462.122
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		37.844.892.141	36.534.693.219

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		14.626.799.502	12.361.883.213
I. Nợ ngắn hạn	310		14.626.799.502	12.361.883.213
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	2.122.836.768	4.551.631.155
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	496.013.216	624.975.436
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	2.309.969.336	2.837.122.696
4. Phải trả người lao động	314		5.934.674.717	3.983.333.745
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.13	16.500.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	432.148.055	424.627.938
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	3.300.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.657.410	(59.807.757)
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.17	23.218.092.639	24.172.810.006
I. Vốn chủ sở hữu	410		23.218.092.639	24.172.810.006
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.673.350.000	6.673.350.000
Cổ phiếu quỹ	415		(356.000.580)	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.900.743.219	2.499.460.006
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		246.847.089	89.008.337
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.653.896.130	2.410.451.669
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		37.844.892.141	36.534.693.219



Trần Hoài Nhân
Tổng Giám đốc

Quảng Nam, ngày 23 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thị Hoài Nhân
Kế toán trưởng

Phạm Thị Trúc Linh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIÊN THÔNG

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Mẫu số B02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	39.004.016.529	46.742.483.389
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		39.004.016.529	46.742.483.389
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	33.737.470.561	40.707.037.306
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.266.545.968	6.035.446.083
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	22.249.334	81.657.114
7. Chi phí tài chính	22	5.4	-	22.471.459
Trong đó, chi phí lãi vay	23		-	22.471.459
9. Chi phí bán hàng	25	5.5	25.535.975	10.027.200
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	2.666.324.769	3.242.857.463
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.596.934.558	2.841.747.075
12. Thu nhập khác	31	5.7	157.361.954	308.288.598
13. Chi phí khác	32	5.8	450.592.424	127.751.624
14. Lợi nhuận khác	40		(293.230.470)	180.536.974
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.303.704.088	3.022.284.049
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	649.807.958	611.832.380
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.653.896.130	2.410.451.669
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17.5	1.118	1.205
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.17.6	1.118	1.205



Trần Hoài Nhân
Tổng Giám đốc

Quảng Nam, ngày 23 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thị Hoài Nhân

Kế toán trưởng

Phạm Thị Trúc Linh

Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		31.166.085.920	45.543.010.182
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(22.819.943.807)	(16.557.183.053)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.741.499.274)	(19.210.141.052)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(22.471.459)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(775.580.952)	(581.646.315)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.089.115.318	4.464.912.309
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.002.333.055)	(8.103.911.952)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.084.155.850)	5.532.568.660
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(59.090.909)	(1.537.960.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		22.727.273	200.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		44.056.741	59.849.707
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.693.105	(1.278.111.202)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(356.000.580)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	3.300.000.000	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	-	(367.500.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(1.693.497.395)	(1.482.644.149)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.250.502.025	(1.850.144.149)
LƯU CHUYỂN THUẬN TRONG NĂM	50		(5.825.960.720)	2.404.313.309
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.884.033.912	5.479.720.603
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		2.058.073.192	7.884.033.912



Trần Hoài Nhân
Tổng Giám đốc

Quảng Nam, ngày 23 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thị Hoài Nhân

Kế toán trưởng

Phạm Thị Trúc Linh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông thay đổi tên từ Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển Dịch vụ Bưu điện Quảng Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000364082 ngày 25 tháng 01 năm 2002 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 21 tháng 04 năm 2016.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom với mã chứng khoán QCC. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán QCC là ngày 06/06/2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 15.000.000.000 đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Bưu điện Tỉnh Quảng Nam	Việt Nam	180.000.000	1,2	180.000.000	1,2
Công ty CP Tập đoàn QT ABC	Việt Nam	770.000.000	5,1	770.000.000	5,1
Công ty CP Đầu tư TTN Việt Nam	Việt Nam	720.000.000	4,8	720.000.000	4,8
Tập đoàn BC-VT Việt Nam	Việt Nam	4.900.000.000	32,7	4.900.000.000	32,7
Cổ phiếu quỹ		396.000.000	2,6	-	0,0
Các cổ đông khác	Việt Nam	8.034.000.000	53,6	8.430.000.000	56,2
Cộng		15.000.000.000	100	15.000.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 26 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 26).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình xây lắp bưu chính – viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình về phát thanh, truyền hình;
- Xuất bản phần mềm;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ gia tăng giá trên mạng internet;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy tính;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Bưu chính;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Công thông tin;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Hoạt động viễn thông không dây;
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ đo kiểm viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà, đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng, nhà đất;
- Sản xuất bê tông, các sản phẩm xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm cốt bê tông ly tâm, cầu kiện bê tông;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật, lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra, chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, điện lạnh và tin học;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị bưu chính, viễn thông, cơ, điện, điện lạnh và các thiết bị tin học;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị cơ, điện, điện lạnh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có một đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc là CN Công ty CP Đầu tư Xây dựng & Phát triển Hạ tầng Viễn thông – XN Xây lắp & Sản xuất Vật liệu Viễn thông; địa chỉ tại Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc
- Máy móc, thiết bị
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn
- Thiết bị, dụng cụ quản lý

Năm 2018

6 – 20 năm
3 – 10 năm
6 – 10 năm
3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc
- Năm 2018**
6 năm

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, sửa chữa... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

3.12. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.14. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí đóng gói, vận chuyển và các chi phí mua ngoài khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động xây lắp;
- Các hoạt động khác áp dụng theo mức thuế suất quy định hiện hành.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Bảo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	33.317.211	39.075.596
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.024.755.981	5.844.958.316
Các khoản tương đương tiền	-	2.000.000.000
Cộng	2.058.073.192	7.884.033.912

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty TNHH Thiết bị Vật tư Thành Vinh	5.824.639.000	-
TT Hạ tầng mạng Miền Trung - CN Tổng Công ty HTM	412.820.801	1.668.000.776
Viễn thông Khánh Hòa	4.180.665.756	1.197.034.897
Viễn thông Quảng Ngãi	5.105.060.124	3.672.593.295
Viễn thông Quảng Nam	5.831.868.380	8.483.923.888
Công ty Truyền tải Điện 2	2.217.466.025	-
Các khách hàng khác	1.205.478.716	1.263.684.496
Cộng	24.777.998.802	16.285.237.352

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Kỳ Hưng	45.000.000	45.000.000
Công ty TNHH MTV Trường Thành Phát	-	118.933.969
Công ty TNHH TM & DV Vận tải Kim Liên	-	40.000.000
DNTN Xưởng cán tôn Trường Thịnh I	22.001.108	22.001.108
Lê Văn Diện	30.000.000	-
Các đối tượng khác	43.560.608	94.487.708
Cộng	140.561.716	320.422.785

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Điện tử Viễn thông	-	-	243.000.000	-
Tin học Bưu điện	-	-	-	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	21.807.407	-
Tạm ứng	510.341.807	-	496.167.068	-
Phải thu BHYT, BHXH	17.084.899	-	15.960.947	-
Các đối tượng khác	1.687.596.535	-	1.046.878.704	-
Cộng	2.215.023.241	-	1.823.814.126	-

4.5. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng tồn kho	266.735.653	-	266.735.653	-
Cộng	266.735.653	-	266.735.653	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	987.963.589	107.649.632	947.101.963	107.649.632
Chi phí SX, KD dở dang	4.837.591.788	-	5.884.303.875	-
Thành phẩm	12.384.608	-	32.449.774	-
Cộng	5.837.939.985	107.649.632	6.863.855.612	107.649.632

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 107.649.632 đồng.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm là 0 đồng.

4.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Chi phí sửa chữa và bảo hiểm xe	25.094.133	24.890.993
Tiền thuê đất tram BTS	48.000.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.840.167	64.479.423
Cộng	79.934.300	89.370.416
	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Dài hạn:		
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	8.166.667	44.462.122
Chi phí sửa chữa nhà làm việc	32.361.970	-
Cộng	40.528.637	44.462.122

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HÀ TANG VIÊN THỐNG

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thành, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/tiện vận tải, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2018	2.276.654.040	3.624.045.475	3.781.047.349	460.994.091	10.142.740.955
Tăng trong năm	-	59.090.909	-	-	59.090.909
Thanh lý, nhượng bán	-	-	212.000.000	-	212.000.000
Tại ngày 31/12/2018	2.276.654.040	3.683.136.384	3.569.047.349	460.994.091	9.989.831.864
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2018	1.651.125.715	3.352.653.788	1.787.840.013	460.994.091	7.252.613.607
Khấu hao trong năm	96.490.560	118.446.438	335.935.049	-	550.872.047
Thanh lý, nhượng bán	-	-	212.000.000	-	212.000.000
Tại ngày 31/12/2018	1.747.616.275	3.471.100.226	1.911.775.062	460.994.091	7.591.485.654
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2018	625.528.325	271.391.687	1.993.207.336	-	2.890.127.348
Tại ngày 31/12/2018	529.037.765	212.036.158	1.657.272.287	-	2.398.346.210

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2018 là 5.210.247.415 VND.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã đúng thể chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm 31/12/2018 là 184.439.239 VND

Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại thời điểm 31/12/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2018 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Cơ sở hạ tầng	373.448.245	-	-	373.448.245
Cộng	373.448.245	-	-	373.448.245
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Cơ sở hạ tầng	253.576.902	36.883.488	-	290.460.390
Cộng	253.576.902	36.883.488	-	290.460.390
Giá trị còn lại:				
Cơ sở hạ tầng	119.871.343			82.987.855
Cộng	119.871.343			82.987.855

Không có bất động sản đầu tư đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay tại thời điểm 31/12/2018.

Không có bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê.

Bất động sản đầu tư bao gồm một trạm BTS.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

4.10. Các khoản đầu tư tài chính

	Tại ngày 31/12/2018 VND			Tại ngày 01/01/2018 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty CP Đầu tư Cao su Quảng Nam (VHG) (*)	159.000	19.440	139.560	159.000	19.440	139.560
Cộng	159.000	19.440	139.560	159.000	19.440	139.560

(*) Khoản dự phòng giảm giá đối với cổ phiếu VHG được căn cứ vào số lượng cổ phiếu Công ty hiện đang nắm giữ và chênh lệch giữa giá đóng cửa ngày 31/12/2018 tại HOSE với giá ghi sổ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thành, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Tân Hoàn Long	-	-	507.204.342	507.204.342
Công ty TNHH Phú Vĩnh	162.264.885	162.264.885	162.264.885	162.264.885
Công ty TNHH Hiệp Tiến	231.466.400	231.466.400	555.348.200	555.348.200
Công ty TNHH MTV TM - DV Thanh Thu	-	-	428.272.054	428.272.054
Công ty TNHH TM Đào Thanh Giang	-	-	351.143.100	351.143.100
Công ty TNHH Cửa đẹp Việt Đức	-	-	213.739.218	213.739.218
Công ty TNHH MTV Huỳnh Như Khoa	-	-	151.892.080	151.892.080
Công ty TNHH MTV My Quin	-	-	251.761.491	251.761.491
Công ty CP Xây lắp và Dịch vụ Bưu điện Khánh Hòa	401.610.000	401.610.000	152.675.600	152.675.600
Công ty CP Sam Phú	214.196.400	214.196.400	-	-
Các đối tượng khác	1.113.299.083	1.113.299.083	1.777.330.185	1.777.330.185
Cộng	2.122.836.768	2.122.836.768	4.551.631.155	4.551.631.155

4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty TNHH Tân Thanh	206.013.216	334.975.436
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư 501 Lê Sơn	50.000.000	50.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng QTC	200.000.000	200.000.000
	40.000.000	40.000.000
Cộng	496.013.216	624.975.436

4.13. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Doanh thu nhận trước của hoạt động cho thuê tài sản	16.500.000	-
Cộng	16.500.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HÀ TANG VIÊN THỐNG

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thành, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2018		Trong năm		Tại ngày 31/12/2018	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
	VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	2.268.922.309	3.932.142.621	4.333.522.987	-	1.867.541.943
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	568.200.387	649.807.958	775.580.952	-	442.427.393
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	54.392.742	-	43.681.478	43.681.478	54.392.742	-
Thuế khác, phí và lệ phí	-	-	28.957.154	28.957.154	-	-
Cộng	54.392.742	2.837.122.696	4.654.589.211	5.181.742.571	54.392.742	2.309.969.336

4.16. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
Vay ngắn hạn:						
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.300.000.000	3.300.000.000	3.300.000.000	-	-	-
- CN Quảng Nam						
Cộng	3.300.000.000	3.300.000.000	3.300.000.000	-	-	-

(*) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/586687/HĐTD, hạn mức tín dụng 5.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng, lãi suất cố định 7%/năm trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng được đảm bảo bằng tài sản là xe tải Hino 92K - 092.55 theo hợp đồng thế chấp số 01/2018/586687/HĐDB.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17. Vốn chủ sở hữu

4.17.1. Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2017	15.000.000.000	6.673.350.000	-	2.184.632.026	23.857.982.026
Lãi trong năm trước	-	-	-	2.410.451.669	2.410.451.669
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(218.463.203)	(218.463.203)
Thủ lao HĐQT, BKS	-	-	-	(109.231.601)	(109.231.601)
Trả cổ tức	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(267.928.885)	(267.928.885)
Tại ngày 01/01/2018	15.000.000.000	6.673.350.000	-	2.499.460.006	24.172.810.006
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.653.896.130	1.653.896.130
Tăng khác	-	-	(356.000.580)	-	(356.000.580)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(241.045.167)	(241.045.167)
Thủ lao HĐQT, BKS	-	-	-	(120.522.583)	(120.522.583)
Trả cổ tức (*)	-	-	-	(1.650.000.000)	(1.650.000.000)
Giảm khác (*)	-	-	-	(241.045.167)	(241.045.167)
Tại ngày 31/12/2018	15.000.000.000	6.673.350.000	(356.000.580)	1.900.743.219	23.218.092.639

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 04 năm 2018.

4.17.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Bưu điện Tỉnh Quảng Nam	180.000.000	180.000.000
Công ty CP Tập đoàn QT ABC	770.000.000	770.000.000
Công ty CP Đầu tư TTN Việt Nam	720.000.000	720.000.000
Tập đoàn BC - VT Việt Nam	4.900.000.000	4.900.000.000
Cổ phiếu quỹ	396.000.000	-
Các cổ đông khác	8.034.000.000	8.430.000.000
Cộng	15.000.000.000	15.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Vốn góp đầu năm	15.000.000.000	15.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	15.000.000.000	15.000.000.000

4.17.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	39.600	-
- Cổ phiếu phổ thông	39.600	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	1.460.400	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.460.400	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

4.17.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	1.653.896.130	2.410.451.669
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	241.045.167
Thù lao HĐQT, BKS	-	120.522.583
Giảm khác	-	241.045.167
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.653.896.130	1.807.838.752
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	1.479.929	1.500.000
Cộng	1.118	1.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	1.653.896.130	2.410.451.669
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	241.045.167
Thù lao HĐQT, BKS	-	120.522.583
Giám đốc	-	241.045.167
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.653.896.130	1.807.838.752
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.479.929	1.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.479.929	1.500.000
Cộng	1.118	1.205

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2018 được tính từ lợi nhuận sau thuế chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Điều lệ công ty và Nghị quyết ĐHCĐ thường niên chưa quy định cụ thể tỉ lệ trích các quỹ này.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2017 được điều chỉnh lại trừ quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT và BKS được trích theo Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2018 số 20/NQ-ĐHCĐ ngày 19/04/2018.

4.17.7. Cổ tức

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	-	1.650.000.000
Cộng	-	1.650.000.000

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán thành phẩm	5.885.868.781	294.326.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	265.827.276	354.120.006
Doanh thu hợp đồng xây dựng	30.824.469.605	43.393.593.963
Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.027.850.867	2.700.443.420
Cộng	39.004.016.529	46.742.483.389

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn thành phẩm	5.576.343.286	337.994.024
Giá vốn cung cấp dịch vụ	158.810.741	142.013.830
Giá vốn hoạt động xây dựng	26.684.163.471	38.074.847.888
Giá vốn kinh doanh bất động sản	1.318.153.063	2.152.181.564
Cộng	33.737.470.561	40.707.037.306

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	22.249.334	81.657.114
Cộng	22.249.334	81.657.114

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	-	22.471.459
Cộng	-	22.471.459

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.535.975	10.027.200
Cộng	25.535.975	10.027.200

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.578.302.506	2.075.236.663
Chi phí vật liệu, công cụ	149.948.629	185.014.142
Chi phí khấu hao tài sản cố định	225.249.648	214.519.724
Chi phí dịch vụ mua ngoài	298.637.791	310.759.854
Chi phí bằng tiền khác	414.186.195	457.327.080
Cộng	2.666.324.769	3.242.857.463

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22.727.273	200.000.000
Thu tiền điện	134.634.681	108.288.532
Thu nhập khác	-	66
Cộng	157.361.954	308.288.598

5.8. Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí quản lý Công ty niêm yết	10.000.000	5.000.000
Các khoản bị phạt, chậm nộp	179.942.326	2.773.505
Chi hộ tiền điện	134.634.681	108.288.352
Truy thu thuế GTGT	81.700.983	1.992.781
Chi phí khác	44.314.434	9.696.986
Cộng	450.592.424	127.751.624

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	21.589.256.501	25.584.851.749
Chi phí vật liệu, công cụ	6.532.610.357	13.165.292.979
Chi phí khấu hao tài sản cố định	587.755.535	637.371.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	758.154.687	940.878.098
Chi phí bằng tiền khác	752.958.790	1.120.130.359
Cộng	30.220.735.870	41.448.524.811

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.303.704.088	3.022.284.049
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	314.002.910	19.463.272
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	314.002.910	19.463.272
- Chi phí không hợp lệ	314.002.910	19.463.272
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.617.706.998	3.041.747.321
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	649.807.958	611.832.380

Trong đó:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	523.541.400	608.349.464
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	126.266.558	3.482.916

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 31/12/2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	3.300.000.000	-
Cộng	3.300.000.000	-

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 31/12/2018 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	-	367.500.000
Cộng	-	367.500.000

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Xây dựng;
- Bất động sản;
- Dịch vụ;
- Bán thành phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIÊN THỐNG

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thành, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Xây dựng		Bắt đầu sản		Dịch vụ		Bán thành phẩm		Tổng cộng	
	Năm 2017 VND	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu	30.824.469.005	43.393.593.963	2.027.850.867	2.700.443.420	265.827.276	354.120.006	5.885.888.781	294.326.000	39.004.016.529	46.742.483.389
Chi phí bộ phận	26.684.163.471	38.074.847.888	1.318.153.063	2.152.181.564	158.810.741	142.013.830	5.576.343.286	337.994.024	33.737.470.561	40.707.037.306
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	2.691.860.744	3.252.884.663
Lãi (lỗ) hoạt động KD	4.140.306.134	5.318.746.075	709.697.804	548.261.856	107.016.535	212.106.176	309.525.495	(43.668.024)	2.574.695.224	2.782.561.420
Doanh thu hoạt động TC	-	-	-	-	-	-	-	-	81.657.114	81.657.114
Chi phí hoạt động TC	-	-	-	-	-	-	-	-	22.249.334	22.471.459
Lãi (lỗ) hoạt động TC	-	-	-	-	-	-	-	-	22.249.334	59.185.655
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	-	157.361.954	306.288.596
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	-	450.592.424	127.751.624
Lãi (lỗ) hoạt động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(293.230.470)	180.536.974
Lợi nhuận trước thuế	4.140.306.134	5.318.746.075	709.697.804	548.261.856	107.016.535	212.106.176	309.525.495	(43.668.024)	2.303.704.088	3.022.284.049
Thuế TNĐN	-	-	-	-	-	-	-	-	646.807.958	611.632.580
Lợi nhuận sau thuế TNĐN	4.140.306.134	5.318.746.075	709.697.804	548.261.856	107.016.535	212.106.176	309.525.495	(43.668.024)	1.653.896.130	2.410.451.669

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIÊN THỐNG

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thành, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thông tin khác	Xây dựng		Bắt đầu sản		Dịch vụ		Bán thành phẩm		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng	24.743.967.002	16.210.813.552	-	-	40.392.000	-	34.031.800	34.031.800	24.777.968.802	16.285.237.352
Tài sản cố định	8.308.545.599	8.462.454.090	-	-	-	-	1.680.286.265	1.680.286.265	9.968.831.864	10.142.740.955
Bắt đầu sản đầu tư	-	-	373.448.245	373.448.245	-	-	-	-	373.448.245	373.448.245
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	2.703.613.230	9.733.266.667
Tổng tài sản	33.053.512.601	24.673.268.242	373.448.245	373.448.245	40.392.000	-	1.714.318.065	1.714.318.065	37.844.892.141	36.534.693.219
Nợ phải trả	14.525.844.502	12.161.883.213	100.955.000	200.000.000	-	-	-	-	14.626.799.502	12.361.883.213
Tổng Nợ phải trả	14.525.844.502	12.161.883.213	100.955.000	200.000.000	-	-	-	-	14.626.799.502	12.361.883.213

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Nhân sự quản lý chủ chốt

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Thù lao và thu nhập	381.037.114	369.939.148
Cộng	381.037.114	369.939.148

9. THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Thù lao Ban Kiểm soát	24.104.517	24.104.817
Cộng	24.104.517	24.104.817

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.


Trần Hoàng Minh
Tổng Giám đốc
Quảng Nam, ngày 23 tháng 03 năm 2019


Nguyễn Thị Hoài Nhân
Kế toán trưởng


Phạm Thị Trúc Linh
Người lập